TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 10-3-2020
V/v chia tài sản chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tông;

Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2020, về "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2019/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2019/QĐ-PT, ngày 12 tháng 02 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc Th, sinh năm 1986; cư trú tại: Số 73, tổ 3, ấp TT, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; *có mặt.*

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 9, ấp TĐ, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; *có mặt.*

Người kháng cáo: Chị Lê Ngọc Th là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Ngọc Th trình bày: Tại Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST ngày 28-3-2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh đã quyết định cho chị và anh Nguyễn Tấn H thuận tình ly hôn; con chung cháu Nguyễn Ánh Ng, sinh năm 2018 giao cho chị nuôi con; chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung giải quyết bằng vụ án khác.

Giữa chị và anh Nguyễn Tấn H không có tài sản chung, vì căn nhà được xây dựng trên phần đất có diện tích 797,4 m^2; theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số: CS04572 cấp ngày 13-7-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho chị đứng tên, nguồn gốc phần đất này của cha mẹ chị cho chị trước khi chị kết hôn với anh H. Đối với tiền xây căn nhà trên đất này, trước khi kết hôn với anh H chị tiết kiệm được 170.000.000 đồng (gồm sổ tiết kiệm 100.000.000 đồng, thẻ ATM 70.000.000 đồng gởi tiết kiệm ngày 20-7-2016). Đến ngày 19-12-2017, chị rút số tiền 150.000.000 đồng để xây căn nhà cấp 4 trên phần đất này; còn lại 20.000.000 đồng chị mua vật dụng trong nhà. Anh H không có đóng góp tiền xây dựng căn nhà này; do đó, giữa chị và anh H không có tài sản chung, nhưng từ khi ly hôn đến nay anh H vẫn ở trên căn nhà đất này của chị. Nay chị yêu cầu anh H trả lại căn nhà đất này cho chị.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn H trình bày: Sau khi kết hôn, anh và chị Th ở chung nhà mẹ chị Th trong thời gian sống tại đây anh có mượn ông T (ba anh H) 30.000.000 đồng làm vốn kinh doanh cây kiểng được khoảng 8 tháng thì mẹ chị Th đuổi đi; mẹ chị Th lấy vườn kiểng và trả cho vợ chồng anh 100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản chị Th đứng tên. Anh và chị Th về nhà ông T ở được 01 tháng thì chị Th cất nhà trên đất chị Th để ở riêng. Nguồn tiền xây nhà là do anh mượn ông T 3.000 USD (tương đương 70.000.000 đồng) và khi chị Th sinh con mượn thêm 10.000.000 đồng; tổng cộng nợ ông T 110.000.000 đồng nhưng không viết giấy nhận nợ.

Tài sản chung của anh và chị Th gồm căn nhà trị giá 270.000.000 đồng được xây trên đất của chị Th, nhưng anh đồng ý theo định giá. Anh và chị Th còn nợ ông T 110.000.000 đồng. Nay anh đồng ý giao căn nhà này cho chị Th sử dụng; chị Th có nghĩa vụ thanh toán cho anh 110.000.000 đồng để anh trả nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2019/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "Chia tài sản sau ly hôn" của chị Lê Ngọc Th đối với anh Nguyễn Tấn H.

Chị Th được sở hữu tài sản gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 91,14 m^2 kết cấu nền gạch men, tường gạch không tô, cột gạch, cửa sắt, kính, không trần, mái tôn, kèo gỗ, xây dựng năm 2018, có giá trị 155.120.000 đồng; 01 đài nước diện tích 0,64 m^2, giá trị 5.202.560 đồng; tổng cộng 160.322.000 đồng, nhà xây trên phần đất của chị Th (nhà hiện chị Th đang quản lý sử dụng).

Chị Th có trách nhiệm giao lại cho anh H số tiền 32.644.000 đồng.

Anh H được sở hữu số tiền 32.644.000 đồng (giá trị phần tài sản được chia), do chị Th có trách nhiệm giao lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-12-2019, chị Lê Ngọc Th kháng cáo, với nội dung: Không đồng ý chia tài sản chung cho anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Ngọc Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của chị Lê Ngọc Th, không đồng ý chia tài sản chung cho anh H; vì chị Th cho rằng đây là tài sản riêng của cá nhân chị; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th thừa nhận căn nhà cấp 4 đang tranh chấp do chị Th xây dựng sau khi chị Th sống chung với anh H và nguồn tiền xây dựng nhà là của riêng chị Th. Tuy nhiên, vẫn có phần công sức đóng góp của anh H; đồng thời, giữa chị Th, anh H cũng không thực hiện thủ tục đăng ký xác nhận tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào nguồn gốc hình thành, tạo lập khối tài sản chung; xét công sức đóng góp của chị Th, anh H và đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Th; chia tài chung cho anh H được sở hữu số tiền 32.644.000 đồng; chị Th được chia trị giá 127.678.000 đồng và giao toàn bộ tài sản là hiện vật cho chị Th được quản lý, sử dụng (thanh toán lại giá trị cho anh H) để chị Th có điều kiện nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Ngọc Th; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Th không được chấp nhận nên chị Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Ngọc Th.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2019/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ vào Điều 29, Điều 30, Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc Th đối với anh Nguyễn Tấn H, về tranh chấp "Chia tài sản chung sau ly hôn".

5.1. Chia cho chị Lê Ngọc Th được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 91,14 m^2; kết cấu nền gạch men, tường gạch không tô, cột gạch, cửa sắt, kính, không trần, mái tôn, kèo gỗ, xây dựng năm 2018, có giá trị 155.120.000 đồng và 01 (một) đài nước có diện tích 0,64 m^2, giá trị 5.202.560 đồng; tổng cộng là 160.322.000 (một trăm sáu mươi triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn) đồng (tính tròn số). Căn nhà này được xây dựng trên phần đất do chị Th đứng tên.

Buộc chị Lê Ngọc Th có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho anh Nguyễn Tấn H số tiền 32.644.000 (ba mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

5.2. Chia cho anh Nguyễn Tấn H được quyền sở hữu số tiền 32.644.000 (ba mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng. Số tiền này do chị Lê Ngọc Th có nghĩa vụ thanh toán (trả) phần của anh H được chia.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Tấn H cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Lê Ngọc Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Chị Lê Ngọc Th phải chịu 6.383.900 (sáu triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo Biên lai thu số: 0019767 ngày 07-5-2019. Chị Lê Ngọc Th còn phải nộp tiếp số tiền 6.083.900 (sáu triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm) đồng.

6.2. Anh Nguyễn Tấn H phải chịu 1.632.200 (một triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Ngọc Th tự nguyện chịu 2.100.000 đồng tiền chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản. Ghi nhận chị Th đã nộp và chi phí xong.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Ngọc Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0006461 ngày 04-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện CT;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện CT;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn